

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 205/2018/HS - ST
Ngày 10/9/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mơi

Ông Trịnh Xuân Tính

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 296/2018/HSST/TLST - HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 215/2018/QĐXXST – HS ngày 26/8/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc S, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Lê Ngọc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Có vợ: Mai Thị H và 01 con sinh năm 1996; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/9/2003 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 26/01/2007 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/5/2018; “ Có mặt”.

2. Cù Văn B, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Cù Văn N và bà Bùi Thị B; Có vợ: Lang Thị T và 01 con sinh năm 2018; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 27/7/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 18/8/2011 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2018; “ Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08h30' ngày 11/4/2018, tổ công tác tuần tra công an phường Đ đang làm nhiệm vụ tại khu vực đất trống cạnh Trung tâm Methadon tỉnh Thanh Hóa, tiến hành kiểm tra hành chính đối với Lê Ngọc S và Cù Văn B, khi kiểm tra Lê Ngọc S đã tự giác giao nộp 01 gói ma túy kích thước khoảng 1x2cm, S khai đó là Heroin do S và B cùng góp tiền mua chung để sử dụng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Do cả hai đều nghiện ma túy, nên khi gặp nhau tại Trung tâm Methadon tỉnh Thanh Hóa, S và B rủ nhau góp chung mỗi người 50.000đ để mua ma túy sử dụng, sau khi thống nhất B điều khiển xe chở S đi xuống khu vực cầu mới Đ, thành phố T gặp một người phụ nữ không biết tên và địa chỉ mua 01 gói ma túy với giá 100.000đ. Sau khi mua được ma túy S cất giấu vào trong người rồi cả hai đi đến khu đất trống cạnh Trung tâm Methadon để tìm nơi sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ.

Căn cứ vào bản kết luận giám định số 807/MT- PC54 ngày 13/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Thanh hoá kết luận: Chất bột màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,322 gam loại Hêrôin.

Tại bản cáo trạng số 208/CT - VKS - MT ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh hoá truy tố bị cáo Lê Ngọc S và Cù Văn B về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh hoá luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58 BLHS năm 2015; (Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Cù Văn B) đề nghị xử phạt bị cáo Lê Ngọc S mức án tù 18 đến 24 tháng tù; Đề nghị xử phạt bị cáo Cù Văn B mức án tù 18 đến 24 tháng tù;

Các bị cáo nhận tội và công nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng và không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: Vào khoảng 08^h30' ngày 11/4/2018, tại khu vực bãi đất trống cạnh Trung tâm uống thuốc Methadol tỉnh Thanh Hóa, thuộc phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, các bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy, loại Hêrôin có trọng lượng 0,322g gam với mục đích sử dụng, khi các bị cáo đang tìm nơi sử dụng thì bị Công an phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa phát hiện bắt quả tang. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai trước đây các bị cáo đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi mua ma túy về với mục đích sử dụng của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS, như cáo trạng và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ phạm tội và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi những hậu quả rất nghiêm trọng do việc mua bán, vận chuyển, nghiện chất ma túy gây ra. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, bị cáo hiểu rõ về tác hại của ma túy nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, do đó cần phải được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính phòng ngừa chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét vai trò của các bị cáo: Cả hai bị cáo cùng nhau góp tiền mỗi người 50.000đ và cùng đi mua ma túy về cùng chung mục đích sử dụng, do đó các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và có vai trò bằng nhau trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu: Bị cáo Lê Ngọc S Ngày 12/9/2003 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 26/01/2007 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 36 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; Nhân thân bị cáo Cù Văn B Ngày 27/7/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 05 năm tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 18/8/2011 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”; nay các bị cáo lại tiếp tục góp tiền đi mua ma túy sử dụng, điều đó chứng tỏ bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, xem thường pháp luật;

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo Cù Văn B có bố đẻ là ông Cù Văn N và mẹ là bà Bùi Thị B được tặng thưởng Huy chương kháng chiến do có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015.

Mặc dù cả hai bị cáo có vai trò bằng nhau, nhưng bị cáo Cù Văn B có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn, nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng mức hình phạt của bị cáo B thấp hơn bị cáo S là phù hợp.

Do các bị cáo mua ma túy với mục đích sử dụng, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[5] Về vật chứng:

Số ma túy thu của các bị cáo có trọng lượng 0,322gam, mẫu vật còn lại sau giám định 0,308 gam được niêm phong là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS năm 2015; Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; (Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với riêng bị cáo Cù Văn B).

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc S và bị cáo Cù Văn B phạm tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Lê Ngọc S 21(Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/5/2018.

Xử phạt: Cù Văn B 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2018.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 0,308 gam ma túy (mẫu vật còn lại sau giám định) được niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Tỉnh Thanh Hóa, theo biên bản giao nhận vật chứng số 188 ngày 10/8/2018 giữa Công an Thành phố Thanh Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh hóa.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Tân